

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

| Nội dung đánh giá   |  | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|---------------------------------|
| <b>I. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa</b>  |  |                                 |
| 1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa   | Hàng hóa chào thầu có đặc tính và thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng yêu cầu tại Chương V - Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.  | <b>Đạt</b>                      |
|   | Hàng hóa chào thầu có đặc tính và thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng không đáp ứng các yêu cầu tại chương V - Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.                                | <b>Không đạt</b>                |
| 2. Tính hợp lệ của hàng hóa   | Có đầy đủ tài liệu chứng minh hàng hoá chào thầu phù hợp tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu E-CDNT 10.8 Chương II và Mục 1.2 - Chương V của E-HSMT.  | <b>Đạt</b>                      |
|   | Không đáp ứng các yêu cầu trên.  | <b>Không đạt</b>                |
| <b>II. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</b> |  |                                 |
| Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa   | Nhà thầu trình bày các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt, chuyển giao công nghệ hàng hóa khoa học và hiệu quả, phù hợp với thời gian đề xuất thực hiện hợp đồng.               | <b>Đạt</b>                      |
|   | Không đáp ứng các yêu cầu trên   | <b>Không đạt</b>                |
| <b>III. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì</b>   |  |                                 |
| Bảo trì, bảo hành và cung cấp dịch vụ sau bán hàng  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu trình bày được kế hoạch cung cấp các dịch vụ bảo hành, bảo trì.</li> <li>- Nhà thầu có cam kết đáp ứng các yêu cầu về bảo hành như sau:</li> </ul> | <b>Đạt</b>                      |

| <b>Nội dung đánh giá</b>                                |  | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|---|--|--|
|   | <p>1. Thời gian bảo hành</p> <p>Đối với xe cơ sở: 36 tháng hoặc 100.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước.</p> <p>Đối với phần chuyên dùng: 12 tháng.</p> <p>2. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì:</p> <p>+ Sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.</p> <p>+ Cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa, vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế trong vòng 05 năm kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu và đưa vào sử dụng.</p> |  |
|   | Không đáp ứng các yêu cầu trên   | <b>Không đạt</b>                       |
| <b>IV. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường</b> |  |  |
| Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường            | Có cam kết Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý  | <b>Đạt</b>                             |
|   | Không cam kết Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý   | <b>Không đạt</b>                       |
| <b>V. Tiến độ, địa điểm cung cấp hàng hóa</b>           |  |  |
| 1. Thời gian giao hàng                                  | ≤ 10 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực   | <b>Đạt</b>                             |
|   | Không đáp ứng yêu cầu trên.  | <b>Không đạt</b>                       |
| 2. Địa điểm cung cấp                                    | Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu về địa điểm cung cấp theo yêu cầu tại Chương V E-HSMT  | <b>Đạt</b>                             |
|   | Không đáp ứng yêu cầu trên.  | <b>Không đạt</b>                       |

| Nội dung đánh giá   |   | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|---------------------------------|
| <b>VI. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có)</b> |   |                                 |
| <p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (Từ năm 2022 trở lại đây)</p> <p>Trường hợp bên mời thầu phát hiện: Nhà thầu bị xử phạt trong quá trình thực hiện hợp đồng trước đó hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của pháp luật thì được đánh giá là không đạt ở mục này.</p>         | <p>Nhà thầu cam kết không có tên trong danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm bị công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bị xử lý theo quy định của Luật đấu thầu từ 02 lần trở lên với các lỗi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng do lỗi của nhà thầu;</li> <li>- Vi phạm về chất lượng của hàng hóa bao gồm sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng và các yếu tố khác có liên quan đến vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng;</li> <li>- Vi phạm hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu</li> </ul> | <b>Đạt</b>                      |
|   | <p>Nhà thầu không có cam kết hoặc có nhưng không cam kết đầy đủ hoặc có tài liệu chứng minh kết quả thực hiện hợp đồng có một trong các vi phạm nêu trên</p>  | <b>Không đạt</b>                |
| <b>VI. Yêu cầu khác</b>   |   |                                 |
| Yêu cầu khác  | <p>Nhà thầu Cam kết Đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu khác tại Chương V- Yêu cầu kỹ thuật.</p>  | <b>Đạt</b>                      |
|   | <p>Không đáp ứng yêu cầu trên.</p>  | <b>Không đạt</b>                |
| <p><b>Kết luận: Nhà thầu được kết luận là đạt khi đáp ứng đủ tất cả tiêu chí nêu trên, Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chí thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.</b></p>  |   |                                 |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.